

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày: 17-12-2025

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thor

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông

Ông Phạm Công Luận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Du My - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/11/1980 tại TP; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú: phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H); Chỗ ở hiện nay: phường A1, quận B1, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H); Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1949 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1955; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh em, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1986; Vợ: Phan Thị Huyền T, sinh năm 1988; Con: có 01 người con tên Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/6/2024 đến ngày 24/8/2024; từ ngày 08/11/2024 đến ngày 08/01/2025 và từ ngày 23/5/2025 cho đến nay (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Bà Phan Thị Huyền T, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H); Chỗ ở hiện nay: phường A1, quận B1, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H).

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Lê Thị Yến N – Luật sư Văn phòng luật sư Võ Tấn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long) (có mặt);

- Bị hại: Ông Nguyễn Thế L1, sinh năm 1982 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: ấp X, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V).

Chỗ ở hiện nay: xã X, huyện H, Thành phố H (nay là X, Thành phố H).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Ông Trần Minh V – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Minh V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh bt (nay là tỉnh V) (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1985 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: phường A2, quận B2, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H).

Chỗ ở hiện nay: xã B, huyện B, Thành phố H (nay là xã B, Thành phố H).

2. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1986 (có mặt);

Nơi cư trú: phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H).

3. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H).

4. Ông Lê Hải D, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V).

5. Bà Cao Thị Kim P, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V).

6. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: ấp L, xã M, huyện G, tỉnh B (nay là xã P, tỉnh V).

Chỗ ở hiện nay: ấp X, xã X1, huyện H, Thành phố H (nay là X, Thành phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ, ngày 01/6/2020, bị cáo Nguyễn Văn L cùng với Lê Văn T và Nguyễn Văn K đến nhà Lê Hải D ở ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là ấp H, xã L, tỉnh V) để uống rượu, bia. Đến khoảng 16 giờ, ngày 01/6/2020, bị cáo L nhớ lại việc trước đây bị cáo L và Nguyễn Thế L1 xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau về việc xô gà tại nhà D, bị cáo L kêu T cùng bị cáo L đi xuống nhà L1 ở ấp X, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V) để bị cáo L nói chuyện hòa giải với L1, T đồng ý đi theo bị cáo L. Khi đến nhà L1, T đứng ở bên ngoài, bị cáo L đi vào bên trong tìm L1 nhưng không tìm thấy nên bị cáo L dùng tay đập bể cái quạt trong nhà của L1, sau đó bị cáo L tiếp tục cầm 01 vỏ chai bia Sài Gòn đỏ đập bể vỏ chai bia và cầm đoạn cổ vỏ chai bia, lúc này L1 từ trong phòng ngủ chạy ra nên bị cáo L xông vào đánh L1, ôm vật nhau với L1 và bị cáo L đã dùng cổ vỏ chai bia Sài Gòn đỏ đánh L1 gây thương tích, L1 bỏ chạy, bị cáo L tiếp tục đuổi theo L1, bị truy đuổi nên L1 vấp ngã và tiếp tục bị thương tích. Sau đó, U và K đến nhà L1 thấy bị cáo L đánh L1 nên U, K cùng T đi vào bên trong can ngăn và dẫn bị cáo L đi về nhà. L1 trình báo sự việc bị cáo L dùng cổ vỏ chai bia Sài Gòn đỏ đánh L1 gây thương tích vào ngày

01/6/2020 đến Công an xã L, L1 được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Minh Đức, tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long), Công an xã L đến nhà L1 tiến hành giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Thu giữ tại nhà của bị hại Nguyễn Thế L1: nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu nâu không rõ hình dạng; nhiều mảnh vỡ bằng nhựa màu đen, một số mảnh vỡ có hình vòng cung; 01 nắp trước lồng quạt bằng kim loại có chữ FantiElectric đã rỉ sét; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng kim loại, bị móp, hình ống trụ dài 18cm, có ống nối nhựa màu vàng; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng nhựa màu đen dài 32cm; 01 cục pê tông không rõ hình dạng, kích thước 26,5cm x 09cm; tất cả đang tạm giữ.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 223-820/TgT ngày 31/8/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận đối với thương tích của Nguyễn Thế L1 như sau: nâu.

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương thái dương chằm trái kích thước 05cm đã lành sẹo, kích thước 04cm x 0,3cm: 02% (hai phần trăm); cơ chế hình thành vết thương là do vật sắt nhọn gây ra.

- Vết thương thái dương gò má trái kích thước 10cm đã lành sẹo, kích thước 09cm x 0,1cm: 06% (sáu phần trăm); cơ chế hình thành vết thương là do vật sắt nhọn gây ra.

- Sây sát da gò trái kích thước 03cm x 02cm đã lành sẹo, kích thước 04cm x 0,5cm: 02% (hai phần trăm), cơ chế hình thành vết thương là do vật tày gây ra.

- Sây sát da cột sống thắt lưng đã hết, không còn để lại vết tích: 00% (không phần trăm); cơ chế hình thành vết thương là do vật tày gây ra.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương có thể do thương tích là: **10%** (mười phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích lần I số 6523/C09B ngày 29/12/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Nguyễn Thế L1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 02 sẹo phần mềm vùng thái dương trái.

- 01 sẹo phần mềm gò má trái.

- 01 sẹo phần mềm gò trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Thế Long:

Đối chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích, Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Thế Long như sau:

- 02 sẹo phần mềm vùng thái dương trái:

+ Sẹo 1: 01% (Áp dụng Chương 8, Mục I.1).

+ Sẹo 2: 02% (Áp dụng Chương 8, Mục I.2).

- 01 sẹo phần mềm gò má trái (sẹo vùng mặt): 06% (Áp dụng Chương 8, Mục I.2).

- 01 sẹo phần mềm gò trái: 02% (Áp dụng Chương 8, Mục I.2).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông Nguyễn Thế L1 là: **11%** (Mười một phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 6524/C09B ngày 29/12/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Nguyễn Thế L1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 02 sẹo phần mềm vùng thái dương trái:

+ Sẹo 1 dạng hình tròn, bờ mép không gọn.

+ Sẹo 2 bờ mép tương đối thẳng gọn.

- 01 sẹo phần mềm gò má trái mảnh gọn.

- 01 sẹo phần mềm gò trái, bờ mép thẳng gọn.

2. Kết luận:

- Sẹo 1 vùng thái dương có đặc điểm phù hợp với vật tày gây ra.

- Sẹo 2 vùng thái dương và sẹo vùng gò má trái do vật có cạnh sắc tác động gây ra.

- 01 sẹo gò trái do vật sắc; vật có cạnh sắc gây ra.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích lần II số 90/21/TgT ngày 26/10/2021 của Viện Pháp y Quốc Gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Nguyễn Thế L1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo thứ nhất kích thước lớn vùng thái dương trái.

- Sẹo thứ hai kích thước nhỏ vùng thái dương trái.

- Sẹo kích thước trung bình vùng mặt trái.

- Sẹo kích thước trung bình vùng gò trái.

- Sẹo kích thước nhỏ vùng trán phải.

- Tổn thương phần mềm vùng lưng hiện không còn dấu vết.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Thế L1 là:

+ Sẹo thứ nhất kích thước lớn vùng thái dương trái: 03% (ba phần trăm).

+ Sẹo thứ hai kích thước nhỏ vùng thái dương trái: 01% (một phần trăm).

+ Sẹo kích thước trung bình vùng mặt trái: 06% (sáu phần trăm).

+ Sẹo kích thước nhỏ vùng trán phải: 03% (ba phần trăm).

+ Sẹo kích thước trung bình vùng gò trái: 02% (hai phần trăm).

+ Tổn thương phần mềm vùng lưng hiện không còn dấu vết: 00% (không

phần trăm).

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Thế L1 là: **14%** (mười bốn phần trăm) theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (trừ vết thương trán phải) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Thế L1 là: **12% (mười hai phần trăm)** theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

2.2. Các thương tích trên người của nạn nhân Nguyễn Thế L1 là do vật tày có cạnh hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Tổn thương phần mềm vùng lưng hiện không còn dấu vết nên không đủ cơ sở xác định vật gây thương tích.

- Nếu Nguyễn Thế L1 té ngã nguyên người, phần ngực, mặt nằm úp xuống phần đất và đá xanh gồ gề lẫn lộn nhau thì không thể gây ra các thương tích ở vùng đầu, vùng mặt, vùng gối, vùng lưng được.

- Mảnh vỡ cổ chai bia có gây ra các thương tích trên không?

Vì không có mẫu vật là các mảnh vỡ cổ chai bia gửi giám định nên không đủ cơ sở kết luận.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích bổ sung số 37BS/23/TgT ngày 06/02/2023 của Viện Pháp y Quốc Gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Nguyễn Thế L1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo thứ nhất kích thước lớn vùng thái dương trái.

- Sẹo thứ hai kích thước nhỏ vùng thái dương trái.

- Sẹo kích thước trung bình vùng mặt trái.

- Sẹo kích thước trung bình vùng gối trái.

- Sẹo kích thước trung bình vùng trán phải.

- Mẫu vật gửi giám định là 03 mảnh vỡ thủy tinh có cạnh sắc được mô tả chi tiết.

2. Kết luận:

Các mảnh vỡ thủy tinh (mẫu vật gửi giám định) có thể gây ra các thương tích nêu trên của Nguyễn Thế L1.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích bổ sung số 113BS/24/TgT ngày 05/4/2024 của Viện Pháp y Quốc Gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Nguyễn Thế L1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Hồ sơ bệnh án Bệnh viện đa khoa Minh Đức, vào viện ngày 01/6/2020 ra viện ngày 08/6/2020: không ghi nhận sẹo vùng trán phải.

- Giấy chứng nhận thương tích Trung tâm Y tế Giồng Trôm, vào viện ngày 09/6/2021 và ra viện cùng ngày: ghi nhận sẹo cũ vùng trán.

2. Kết luận:

Vết thương để lại sẹo kích thước nhỏ vùng trán phải trên cơ thể Nguyễn Thế Long: không đủ cơ sở xác định tổn thương xảy ra vào ngày 01/6/2020.

Quá trình điều tra bị hại Nguyễn Thế L1 thừa nhận vết thương vùng trán phải được hình thành trước ngày 01/6/2020, không phải do bị cáo Nguyễn Văn L gây ra.

Tại Kết luận giám định Pháp y tâm thần theo trung cầu số 6496/KLGD ngày 11/9/2024 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đối với Nguyễn Văn L như sau:

1. Kết luận: trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và cho đến hiện tại, đối tượng Nguyễn Văn L bị chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ (F70-ICD10).

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và cho đến hiện tại, đối tượng Nguyễn Văn L hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

2. Ý kiến khác: nguyên nhân gây bệnh của đối tượng là do bệnh lý, không phải do sử dụng chất kích thích.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm kết luận như sau:

- 01 máy quạt điện hiệu Fanti Electric, loại quạt đứng, mua mới tháng 01 năm 2019 bị hư hỏng hoàn toàn, giá 90.000 đồng;

- 01 vỏ chai bia hiệu Sài Gòn (vỏ chai bằng thủy tinh), bị bể hoàn toàn, giá 1.000 đồng.

Tổng cộng: 91.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ, kết quả thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị hại Nguyễn Thế L1 và bị cáo Nguyễn Văn L không thỏa thuận được với nhau, bị hại yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, ngày 08/8/2025 bị cáo tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo bồi thường thiệt hại cho bị hại L1.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKSKV7 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 (hai) năm đến 03

(ba) năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo L đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 63.300.000 đồng theo yêu cầu của bị hại L1. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo L bồi thường cho bị hại L1 số tiền 63.300.000 đồng, trong đó ghi nhận bị cáo L đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo thi hành án.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu nâu, không rõ hình dạng; nhiều mảnh vỡ bằng nhựa màu đen, một số mảnh vỡ có hình vòng cung; 01 nắp trước lồng quạt bằng kim loại có chữ FantiElectric đã rỉ sét; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng kim loại, bị móp, hình ống trụ dài 18cm, có ống nối nhựa màu vàng; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng nhựa màu đen dài 32cm; 01 cục pê tông không rõ hình dạng, kích thước 26,5cm x 09cm.

Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 63.300.000 đồng theo yêu cầu của bị hại L1.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Phan Thị Huyền T trình bày: Bà đồng ý lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, sự việc đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bà đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bà đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại L1 và yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Lê Thị Yến N trình bày: Thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L do bị cáo không có tính tiết tảm nặng trách nhiệm hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo L đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 63.300.000 đồng theo yêu cầu của bị hại L1.

Bị hại Nguyễn Thế L1 trình bày: Ông đồng ý với các kết luận giám định; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tất cả các thương tích của ông là do bị cáo L truy đuổi, sử dụng đoạn cổ võ chai bia Sài Gòn đồ đánh gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 12%. Về trách nhiệm hình sự: Ông yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật trong mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là từ 02 đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Ông yêu cầu bị cáo L bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 63.300.000 đồng, cụ thể: chi phí điều trị là 10.500.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất của ông là 2.000.000 đồng (08 ngày x 250.000 đồng/ngày); thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị là 2.000.000 đồng (08 ngày x 250.000 đồng/ngày); tiền xe đi lại là 2.000.000 đồng; tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm 20 lần mức lương cơ sở 2.340.000 đồng là 46.800.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại là Luật sư Trần Minh V trình bày: Về trách nhiệm hình sự: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điểm, khoản, điều luật truy tố, mức hình phạt đề nghị từ 02 đến 03 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xử chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại L1 với tổng số tiền 63.300.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 63.300.000 đồng theo yêu cầu của bị hại L1 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L, bị hại Nguyễn Thế L1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Lê Hải D, bà Cao Thị Kim P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng. Xét thấy, trong quá trình điều tra, người làm chứng đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; kết luận giám định; kết quả khám nghiệm hiện trường cùng các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ, ngày 01/6/2020, từ việc nhớ lại trước đây có cự cãi với bị hại Nguyễn Thế L1 nên bị cáo Nguyễn Văn L kêu Lê Văn T cùng đi xuống nhà của bị hại ở ấp X, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V) để giải quyết mâu thuẫn. Khi đến nhà bị hại L1, T đứng ở bên ngoài, bị cáo L cầm 01 vỏ chai bia Sài Gòn đổ đập bẻ và cầm đoạn cổ vỏ chai bia xông vào đánh bị hại, hai bên ôm vật nhau, bị cáo dùng cổ vỏ chai bia đánh bị hại gây thương tích tại vùng thái dương trái, vùng trán trái, bị hại L1 bỏ chạy nên vấp ngã và tiếp tục bị thương tại vùng gối trái. Hành vi của bị cáo L đã thể hiện rõ bản chất hung hãn, tính côn đồ, với ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng đã sử dụng cổ của vỏ chai bia Sài Gòn là hung khí nguy hiểm đánh bị hại gây thương tích, ảnh hưởng rất lớn đến khả năng lao động và sinh hoạt bình thường của bị hại. Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích lần II số 90/21/TgT ngày 26/10/2021 của Viện Pháp y Quốc Gia tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại L1 là 12 %, thương tích tại vùng thái dương trái, vùng trán trái, vùng gối trái là phù hợp với lời khai bị cáo, bị hại, người làm chứng xác định thương tích của bị hại là do bị cáo gây ra. Do đó, hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm”, “có tính chất côn đồ”, tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo L là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Quyền được an toàn về sức khỏe là một trong những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Người nào xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất. Hành vi phạm tội của bị cáo L có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, gây hoang mang trong nhân dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo L gây ra.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo L không có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; có con chưa thành niên. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo L gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định là điều cần thiết nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo sau này trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời để răn đe phòng ngừa tội phạm.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo L, người đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại với tổng số tiền là 63.300.000 đồng theo yêu cầu của bị hại L1. Do đó, căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 357, 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo L bồi thường cho bị hại L1 số tiền 63.300.000 đồng, trong đó chi phí điều trị là 10.500.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất của bị hại là 2.000.000 đồng (08 ngày x 250.000 đồng/ngày); thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị là 2.000.000 đồng (08 ngày x 250.000 đồng/ngày); tiền xe đi lại là 2.000.000 đồng; tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm 20 lần mức lương cơ sở 2.340.000 đồng là 46.800.000 đồng. Ghi nhận bị cáo L đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long để đảm bảo thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long) thu giữ nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu nâu, không rõ hình dạng; nhiều mảnh vỡ bằng nhựa màu đen, một số mảnh vỡ có hình vòng cung; 01 nắp trước lồng quạt bằng kim loại có chữ FantiElectric đã rỉ sét; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng kim loại, bị móp, hình ống trụ dài 18cm, có ống nối nhựa màu vàng; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng nhựa màu đen dài 32cm; 01 cục pê tông không rõ hình dạng, kích thước 26,5cm x 09cm; do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo L là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để hạ khung hình phạt cho bị cáo L là không phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét

xử nên không được chấp nhận.

[11] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo L về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Lân phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường cho bị hại Nguyễn Thế L1 tổng số tiền là 63.300.000 (sáu mươi ba triệu ba trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bị cáo L đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh L1 để đảm bảo thi hành án theo Giấy nộp tiền ngày 08/8/2025, số tài khoản: 39490912134100000, tại ngân hàng: KBNN khu vực XIX phòng nghiệp vụ 2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: nhiều mảnh vỡ thủy tinh màu nâu, không rõ hình dạng; nhiều mảnh vỡ bằng nhựa màu đen, một số mảnh vỡ có hình vòng cung; 01 nắp trước lồng quạt bằng kim loại có chữ Fan -tiElectric đã rỉ sét; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng kim loại, bị mọt, hình ống trụ dài 18cm, có ống nối nhựa màu vàng; 01 đoạn thân máy quạt điện bằng nhựa màu đen dài 32cm; 01 cục pê tông không rõ hình dạng, kích thước 26,5cm x 09cm.

Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/12/2025, hiện Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long quản lý.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa nên

được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Minh Thơ